

Thuyết Chính danh trong Nho giáo Tiên Tần và ý nghĩa của nó trong lịch sử

ThS. NGUYỄN HOÀI ANH

Học viện Tài chính; Email: hoaianh.aof1@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết này nhằm trình bày khái quát nội dung của Thuyết Chính danh trong Nho giáo thời Tiên Tần, qua tư tưởng của Khổng Tử và Mạnh Tử, đồng thời phân tích ý nghĩa, vai trò và ảnh hưởng của nó đối với xã hội phong kiến. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, đặc biệt ở Việt Nam - một quốc gia đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập sâu rộng với thế giới thì Thuyết Chính danh vẫn có những giá trị sâu sắc mang nhiều ý nghĩa mới mẻ, thiết thực góp phần vào xây dựng đất nước trong thời đại mới.

Từ khóa: Thuyết Chính danh; Nho giáo Tiên Tần; lịch sử.

1. Khái niệm Chính danh

Chữ Chính trong tiếng Hán (正) là sự kết hợp của 2 Hán tự chữ Thượng (上 trên) và chữ Hạ (下 dưới). Có thể hiểu là người có tâm chính trực thì không xu nịnh người trên cũng như không hiếp đáp người dưới, cách giải thích khác Chính là ngay ngắn, đứng đắn, chính nghĩa, làm cho mọi việc đều ngay thẳng.

Chữ Danh theo nghĩa Hán học (名) có nghĩa gốc là tên hoặc tên gọi. Nó có thể được hiểu là tên của một người, một vật. Danh trong Chính danh, theo Khổng tử mỗi người hoặc vật trong xã hội đều có công dụng nhất định tùy thuộc vào mối quan hệ để quy định danh. Một người có vô vàn mối quan hệ thì cũng có vô vàn danh. Trong mối quan hệ với cha mẹ thì có danh làm con; mối quan hệ với vua danh làm bề tôi; mối quan hệ vợ chồng có danh làm vợ, chồng; mối quan hệ với anh, chị, em thì danh làm anh, làm chị, làm em tùy thuộc vào vị thế của mỗi người. Đối với vật cũng có rất nhiều danh tùy thuộc vào mối quan hệ để quy định danh, chẳng hạn cái người dân mặc thì gọi là cái áo, vua mặc thì gọi là long bào, tướng mặc gọi là chiến bào; cái người dân đi gọi là giày nhưng vua đi gọi là long hài. Mỗi con người có rất nhiều danh, mỗi mối quan hệ quy định một danh, mỗi một danh đều có những điều quy định. Chẳng hạn danh làm con phải giữ chữ hiếu, khi bàn về chữ hiếu cũng có hàng ngàn điều quy định về hiếu. Do vậy, có thể hiểu Danh là một phạm trù triết học dùng để chỉ người hoặc vật

trong các mối quan hệ nhất định

Chính danh là làm cho cái danh và cái thực ăn khớp, thống nhất, phù hợp với nhau trong từng mối quan hệ nhất định. Chính danh là yêu cầu phải xác lập đúng đắn vai trò, vị trí, chức năng của từng người trong xã hội. Người làm vua phải có đạo làm vua, kẻ làm tôi phải có đạo làm tôi, cha phải có đạo làm cha, con phải có đạo làm con. Mỗi danh xưng phải đi liền với bốn phận tương ứng.

2. Nội dung cơ bản của Thuyết Chính danh

Muốn cho xã hội ổn định, con người trước hết phải chính danh. Từ Lộ hỏi đức Khổng Tử: Nếu vua Vệ mà giữ thầy lại mà nhờ thầy coi chính sự thì thầy làm việc gì trước? Khổng tử đáp: Tất phải chính danh trước hết chăng? Tất. Mỗi người trong xã hội ai cũng có mối quan hệ, mỗi một mối quan hệ đều quy định danh phận, chức danh, ở cương vị nào cũng phải xứng đáng với danh phận, chức danh vốn có của mình. Người chính danh là phải thực hiện tất cả những điều quy định về danh của mình trong mỗi mối quan hệ xã hội nhất định, Chính danh là vua phải ra vua, tôi phải ra tôi, cha phải ra cha, con phải ra con. Bản thân một vị vua cũng có nhiều danh, với bề tôi phải giữ đạo quân thân; với cha mẹ phải giữ đạo phụ tử; với anh em phải giữ để. Theo Thuyết Chính danh Khổng tử cho rằng trong xã hội có năm mối quan hệ cơ bản (ngũ thường) bao gồm đạo vua tôi (quân thân); cha con (phụ tử); vợ chồng (phu phụ); anh em (huynh đệ); bạn bè (bằng hữu) để thực hiện

tốt năm mối quan hệ này con người phải thực hiện nhân, lễ, nghĩa, trí, tín (ngũ thường).

Người làm vua phải có đức, biết lo cho dân: Nho giáo, nhấn mạnh vị vua [Chính danh] phải thực hiện đúng vị thế, danh phận của mình là lo cho dân chúng có cuộc sống thái bình. Làm vua không chỉ vì địa vị mà còn vì trách nhiệm và đạo đức, phải cai trị một cách công bằng, phải thực hiện các chính sách tốt đẹp để dân chúng được no ấm, được dạy dỗ và tiến bộ. Khổng Tử chỉ ra những vị vua [chính danh] như Đế Nghiêu, Đế Thuấn, những vị vua này nhân từ, thương yêu dân như con, hết lòng vì dân, thuận theo đạo Trời thu phục nhân tâm điều khiển đất nước. Cho nên, dân chúng được thỏa thích, an cư lạc nghiệp; trong nước không có trộm cướp, của rơi ngoài đường không có ai nhặt. Khổng Tử ca ngợi Vua Vũ, ông nói với môn đệ rằng [Vua Vũ, ta không chê vào đâu được vậy. Ăn uống sơ sài, nhưng rất tôn kính đối với các linh lực siêu nhiên. Y phục tồi tàn, nhưng rất đẹp đẽ trong áo mũ cúng tế. Cung thất thấp kém, nhưng dọn hết sức trong việc [sửa sang] các kênh rạch, sông ngòi. Vua Vũ, ta không chê vào đâu được!]⁽³⁾.

Người làm thần (bề tôi) [Chính danh] là phải trung thành, phụng sự vua trung thành: Chữ Trung mà Khổng Tử đề cập không phải trung thành một cách mù quáng. Theo Khổng Tử quân có nhân thì thần mới trung. Nếu vua không có đạo đức, không tu dưỡng, bề tôi có thể giết vua lập vua khác. Theo Mạnh Tử vua mà hôn quân, vô đạo thì giết vua như giết một kẻ tầm thường [Kẻ làm hại điều nhân gọi là giặc; kẻ làm hại điều nghĩa gọi là tàn ác; những kẻ giặc hại, tàn ác ấy là người tầm thường. Có nghe nói việc giết một người tầm thường là Truệ thôi, chưa từng nghe nói giết vua]⁽⁴⁾, trong trường hợp này không gọi là bất trung.

Khái quát lại Thuyết [Chính danh] mà Nho giáo Tiên Tần đề cập gồm [thập nghĩa] trong khi thi hành ngũ luân. [Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử, phu phu, phụ phụ, huynh huynh, đệ đệ] [Quân, thần trung; phụ từ, tử hiếu; phu nghĩa, phụ thính; huynh lương, đệ lễ; trưởng huê, ấu thuận]⁽⁵⁾. Có nghĩa là: Vua phải thương yêu dân có đức nhân, bề tôi phải nhất mực trung thành; đạo làm cha phải nhân từ, đạo làm con phải hiếu thảo; đạo làm chồng phải có nghĩa,

trách nhiệm thương yêu vợ, đạo làm vợ phải nghe theo, thuận theo chồng; anh chị phải tốt lành, thương yêu em, em phải kính yêu anh chị; người lớn phải ân cần, ban ơn, người nhỏ phải nghe lời, vâng theo; bạn bè với nhau thì phải chân thành, thành thật, biết giữ niềm tin với nhau.

3. Ý nghĩa của Thuyết [Chính danh] trong xã hội phong kiến

Thứ nhất, xây dựng trật tự chính trị ổn định: Thuyết [Chính danh] có ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội phong kiến Trung Quốc suốt mấy ngàn năm, nó đã góp phần duy trì trật tự xã hội nhấn mạnh vai trò của danh phận, giúp củng cố sự phân công và tôn ti trong xã hội phong kiến. Khi mỗi người thực hiện đúng vai trò của mình, xã hội sẽ vận hành một cách có hệ thống và hài hòa. [Vua làm hết đạo vua, bề tôi hết đạo bề tôi, cha hết đạo cha, con hết đạo con]⁽⁶⁾ như vậy xã hội tất ổn định có nề nếp [Quân quân, thần thần...: Vua phải cho ra vua, bề tôi phải cho ra bày tôi...]⁽⁷⁾. Theo Khổng Tử: Chính trị là việc đem lại chân lý, chính đáng cho mỗi người dân cho nên mọi chủ trương của bậc cầm quyền phải chính danh. Đã mang trong mình danh là ông vua, ông quan... thì phải làm hết bổn phận, đúng danh phận của mình. Nếu vua không xứng danh vua thì bề tôi cũng bất chước mà không thi hành đúng bổn phận. Danh không chính thì lời nói không thuận khi đó bậc cầm quyền sẽ không được tôn trọng những việc liên quan đến chính sự, quốc gia sẽ không thành. Việc không thành thì các vấn đề liên quan đến chính trị như lễ nhạc, pháp sẽ không được thiết lập, thực thi và phát triển tốt. Lễ nhạc pháp không được thực thi một cách tử tế thì xã hội sẽ không có chuẩn mực mà sửa sẽ rơi vào loạn thế. Theo Nho giáo chính danh vô cùng quan trọng cho nên người làm chính trị từ lời nói đến việc làm phải chính danh, tức là lời nói, hành động phải phù hợp với danh. Do đó, những bậc cầm quyền nói ra điều gì phải hết sức thận trọng không thể cầu thả.

Chống lại sự hỗn loạn danh phận, đảo lộn luân thường đạo lý: Trong hệ thống chính trị vua không chính ngôi, hôn quân vô đạo thì bày tôi không thể tôn trọng vua như vậy xã hội sẽ tất loạn, vua có nhân thì bề tôi mới trung thành. [Nếu vua bất chính thì lời nói sẽ không đúng đắn, lời nói không đúng đắn thì

dẫn đến việc làm sai. Khi đó người với người trong xã hội không còn kính trọng nhau, không còn hòa khí, pháp luật lỏng lẻo và người dân sẽ mất nơi cậy nhờ⁽⁸⁾: Làm vua đã khó còn làm bề tôi cũng chẳng dễ dàng. Muốn cho xã hội đi vào ổn định thì vua là biết nghe lời nói phải, bỏ lời xu nịnh mà sửa mình, làm gương đạo đức cho các quan, lại tận tụy đêm ngày tìm phương pháp thích hợp để trị quốc an dân, đồng thời các quan cũng theo gương nhà vua mà hết lòng nỗ lực, cúc cung, tận tụy phục vụ đất nước; chắc chắn, chỉ trong một thời gian ngắn nhân dân hưởng cảnh thái bình, đất nước sẽ hưng thịnh.

Thứ hai, Chính danh là cơ sở xây dựng gia đình có tôn ti, trật tự: Trong gia đình mọi thành viên đều chính danh, nghĩa là ai sống đúng bổn phận của người ấy thì gia đình sẽ ổn định. Trong quan hệ gia đình [phụ hiền, tử hiếu], vợ chồng chọn nghĩa thương yêu nhau, anh em giữ đạo hiếu để gia đình sẽ trong ấm, ngoài êm, góp phần ổn định xã hội

Thứ ba, [Chính danh] là cơ sở ổn định xã hội bằng đạo đức thay vì bằng pháp luật: Trong xã hội vua mà chính danh thì thiên hạ tất ổn định. Vậy của vị vua mà dùng nhân, nghĩa để trị quốc thì không có họa binh đao, [các vua] vui lòng trong nhân nghĩa mà dẹp bỏ các sư đoàn trong ba quân. Thế là các tướng sĩ trong ba quân vui vẻ được bãi binh, mà vui lòng trong nhân nghĩa⁽⁹⁾. Nếu như trong xã hội [người làm bề tôi nâng niu nhân nghĩa để phụng sự vua. Người làm con nâng niu nhân nghĩa để phụng sự cha. Người làm em nâng niu nhân nghĩa để phụng sự anh, nếu làm được như vậy thì vua tôi, cha con, anh em bỏ lợi, nâng niu nhân nghĩa để cùng giao tiếp với nhau⁽¹⁰⁾] thì xã hội sẽ yên ổn, không còn chiến tranh, đức trị được thi hành, nhân dân được hưởng cảnh thái bình.

Thứ tư, giáo dục con người sống có đạo lý đúng bổn phận. Thuyết Chính danh giáo dục con người sống đúng với vị thế xã hội của mình trong mối quan hệ xã hội. Mỗi một mối quan hệ xã hội quy định một danh, con người ở danh nào cũng phải thực hiện đúng những quy phạm đạo đức của danh ấy, xã hội không bị loạn danh mà đi vào trật tự có hệ thống. Thuyết [Chính danh] giúp mỗi người trong xã hội rèn luyện đạo đức cá nhân thông qua việc hiểu rõ vai trò của mình trong gia đình và xã hội biết [ân phận]

[tận trách] và [làm đúng đạo lý]. Như vậy, trong xã hội từ vua cho đến dân thường ai cũng sống chính danh thì không chỉ làm cho xã hội ổn định mà còn thúc đẩy xã hội phát triển.

Thứ năm, Thuyết [Chính danh] giúp tăng cường ý thức trách nhiệm cá nhân. Danh phận bao giờ cũng đi kèm với trách nhiệm, con người khi ở danh nào đều có quy tắc, trách nhiệm ở danh đó, con người sẽ tự ý thức hành vi của mình để không hổ thẹn với mình và xã hội, từ đó xã hội sẽ có nhiều người biết tự răn mình, biết sống đúng với nghĩa vụ của mình trong mối quan hệ đó.

Thứ sáu, Thuyết [Chính danh] làm cơ sở cho việc [tu thân - tề gia - trị quốc - bình thiên hạ]. Chính danh là nền tảng để mỗi cá nhân tu dưỡng đạo đức trong từng mối quan hệ xã hội cụ thể, từ việc giữ gìn đạo đức gia đình đến đạo đức xóm làng, rộng hơn nữa là thiên hạ.

4. Ý nghĩa của Thuyết [Chính danh] trong giai đoạn hiện nay

Trong bối cảnh hiện đại - khi xã hội đang vận hành theo các nguyên tắc dân chủ, pháp quyền và hội nhập quốc tế - Thuyết [Chính danh] của Nho giáo vẫn mang nhiều giá trị thời sự, đặc biệt trong việc xây dựng đạo đức xã hội, hiệu quả quản trị, và trách nhiệm cá nhân - cộng đồng.

Ý nghĩa của Thuyết [Chính danh] trong giai đoạn hiện nay:

Thứ nhất, Thuyết [Chính danh] góp phần củng cố đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Trong xã hội hiện đại, mỗi cá nhân đều có vai trò cụ thể: công dân, cán bộ, giáo viên, bác sĩ, công an,... ở mỗi một danh mà vị thế xã hội của mình đảm nhận thì phải hành xử tương ứng với chức trách, nghề nghiệp đó. Về mặt đạo đức phải giữ được đạo đức xã hội. Làm cán bộ phải giữ đúng đạo đức người cán bộ của nhân dân; làm giáo viên chính danh là [học không biết mỗi, dạy người không biết chán]; làm bác sĩ thực hiện [lượng y như từ mẫu]; làm công an, làm bộ đội hay làm nghề gì đi nữa đều phải thực hiện đầy đủ những quy định về đạo đức.

Chống mọi biểu hiện lạm quyền, lộng quyền, loạn danh, tha hóa về đạo đức ở vị thế, nghề nghiệp của mình. Đây chính là yêu cầu đạo đức nghề nghiệp trong xã hội hiện đại, tương ứng với nội dung [danh

chính - ngôn thuận - sự thành □

Thứ hai, Thuyết □Chính danh□ góp phần nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước và quản trị công hiện nay. Người ở vị trí cán bộ lãnh đạo, quản lý phải xứng đáng với danh của mình không chỉ về năng lực mà cả đạo đức và ý thức, trách nhiệm phục vụ nhân dân. Trong công tác cán bộ, chính danh cần được hiểu là bổ nhiệm đúng người - đúng việc. Xét thấy cán bộ không đủ phẩm chất - năng lực nhưng vẫn nhận □danh cao□ nếu là người biết liêm sỉ thì không nên nhận, không nên bổ nhiệm. Tránh □cơ cấu□, □chạy chức, chạy quyền□, □hữu danh vô thực□, trường hợp cố tình nhận chức hoặc bổ nhiệm vào □danh cao□ thì sẽ dẫn đến □loạn danh□, đẩy cán bộ đi đến chỗ suy thoái, tiêu cực, làm mất lòng tin của dân.

Thứ ba, Thuyết □Chính danh□ góp phần gìn giữ trật tự xã hội và kỷ cương đạo đức xã hội, giúp định hình lại các chuẩn mực ứng xử, tạo ra xã hội có kỷ luật - có đạo lý. Trong xã hội ai cũng □chính danh□ làm đúng vai trò của mình (cha mẹ - con cái, thầy - trò, cấp trên - cấp dưới □), xã hội sẽ vận hành hài hòa, ít xung đột hơn. Ngược lại, nếu vai trò - trách nhiệm bị đảo lộn, không ai chịu □đứng đúng vị trí□ thì sẽ sinh ra tranh chấp, bất ổn, hỗn loạn giá trị. Nếu xã hội mà cha mẹ thiếu trách nhiệm, thầy cô không gương mẫu, cán bộ không làm gương... thì thế hệ trẻ dễ mất phương hướng, sinh ra khủng hoảng niềm tin và suy đồi đạo đức.

Thứ tư, Thuyết □Chính danh□ là một trong những nền tảng cho văn hóa pháp quyền và tinh thần trách nhiệm. Dưới góc nhìn pháp luật hiện đại, □chính danh□ tương ứng với □trách nhiệm pháp lý đi kèm chức danh□ của mỗi con người sống trong cộng đồng. Mỗi một mối quan hệ xã hội, cương vị trong xã hội của con người không chỉ là danh xưng mà là cam kết với cộng đồng, được ràng buộc bởi luật pháp và đạo đức. Do vậy, mỗi cá nhân phải thực hiện đúng trách nhiệm mà □danh□ của mình đang đảm nhiệm.

Thứ năm, Thuyết □Chính danh□ góp phần vào xây dựng con người hiện đại □toàn diện. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề hội nhập quốc tế, giáo dục con người không chỉ tri thức mà còn định vị rõ vị thế, vai trò, trách nhiệm, đạo đức của mỗi cá nhân đối với cộng đồng xã hội. Khi mỗi

người sống đúng với vai trò của mình, hành xử theo chuẩn mực đạo đức xã hội sẽ tạo niềm tin trong cộng đồng, xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh góp phần phát triển bền vững cho xã hội. Trong mỗi tổ chức xã hội hiện đại, sắp xếp đúng người, đúng việc, đúng chức năng - đúng trách nhiệm sẽ tạo ra nguyên tắc cơ bản để bảo đảm hiệu lực quản lý. Xây dựng □chính danh□ trong văn hóa ứng xử giúp mỗi người hiểu rõ vai trò và lối sống đúng với trách nhiệm của mình sẽ góp phần xây dựng một xã hội có kỷ cương và nhân văn.

Thuyết □Chính danh□ trong Nho giáo Tiên Tần là một hệ thống tư tưởng chính trị - đạo đức. Tuy nhiên, chính danh cũng thể hiện rõ tính bảo thủ, gia trưởng và chuyên chế, khiến xã hội phong kiến khó thoát ra khỏi vòng tròn lễ nghi và trật tự cứng nhắc. Nếu biết gạt bỏ những hạn chế, giữ lại những yếu tố tích cực sẽ giúp hình thành cơ cấu tổ chức xã ổn định, tạo nên nền tảng đạo đức và pháp lý vững chắc cho việc trị quốc, an dân.

Trong bối cảnh hiện đại, tư tưởng □chính danh□ vẫn có giá trị trong việc khẳng định vai trò, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp, nhưng cần được hiểu theo tinh thần dân chủ và pháp quyền để phù hợp với xã hội tiến bộ. Để phù hợp với tinh thần dân chủ - pháp quyền hiện nay, □chính danh□ cần được hiểu theo tinh thần tiến bộ, kết hợp với tư duy pháp lý hiện đại sẽ là một trong những tư tưởng có giá trị góp phần vào xây dựng xã hội ổn định./.

(1) Nguyễn Hiến Lê, □Luận ngữ - Không tử□ Thiên XIII - Tử Lộ (3).

(2) Doãn Chính (1997), *Đại cương triết học Trung Quốc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr.56.

(3) Lý Minh Tuấn, □Tứ thư bình giải□ Nxb. Tôn giáo, Luận ngữ. Chương VIII: Thái Bá (21), tr.203.

(4) Lý Minh Tuấn, □Tứ thư bình giải□ Nxb. Tôn giáo, Mạnh Tử. Chương II Lương Huệ Vương Hạ (8), tr.545.

(5) Lý Minh Tuấn, □Tứ thư bình giải□ Nxb. Tôn giáo, Trung Dung, Chương XXXII, tr.1399.

(6) Nguyễn Hiến Lê, □Luận ngữ - Không tử□ Thiên XII - Nhan Uyên. 11.

(7) Lý Minh Tuấn, □Tứ thư bình giải□ Nxb. Tôn giáo, Luận ngữ, Chương VIII, Thái Bá 9, tr.194.

(8) Doãn Chính (1997), *Đại cương triết học Trung Quốc*, Nxb. Chính trị Quốc gia tr.56.

(9), (10) Lý Minh Tuấn, □Tứ thư bình giải□ Nxb. Tôn giáo. Mạnh Tử, Chương VII, Ly lâu thượng, tr.912.